五 练习 Liànxí Exercises - Bài tập

① 声调 Tones Thanh điệu

yī	yí	yǐ	yì ——	yī	一
wū	wú	wǔ	wù ——	wǔ	五
yū	yú	yǔ	yù ——	yú	
bā	bá	bǎ	bà ——	bā	八
dā	dá	dǎ	dà ——	dà	大
bū	bú	bǔ	bù ——	bù	不
nǖ	nǘ	nǚ	nǜ ——	nǚ	女
kōu	kóu	kǒu	kòu ——	kǒu	口
bāi	bái	bǎi	bài ——	bái	白
hēi	héi	hěi	hèi ——	hēi	
mā	má	mǎ	mà ——	mǎ	马
nī	ní	nǐ	nì ——	nǐ	你
hāo	háo	hǎo	hào ——	hǎo	好

② 变调 Modulations of tones Biến điệu

nǐ hǎo	měihǎo	wǔ bǎi	Běihǎi
gěi nǐ	yǔfǎ	kěyǐ	fǔdǎo

③ 辨音 Pronunciation exercises Phân biệt âm

(1) 辨别声母 Identify the initials Phân biệt thanh mẫu

ba	pa	da	ta	ga	ka
bu	pu	du	tu	gu	ku
bai	pai	dai	tai	gai	kai
bao	pao	dou	tou	gao	kao

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ HANKA
Chuyên đào tạo tiếng trung cho người mới học
hanka.edu.vn - 0972.556.968/0984.665.229.

LIVEWORKSHEETS

(2) 辨别韵母 Identify the finals Phân biệt vận mẫu

ba	bo	he	fo
pa	po	ne	mo
ma	mo	de	bo
fa	fo	ke	po
bai	bei	pao	pou
mai	mei	hao	hou
gai	gei	kao	kou
hai	hei	gao	gou

(3) 辨音辨调 Pronunciations and tones Phân biệt âm, thanh điệu

bā	pà	dà	tā	hé	fó	gē	kè
bǐ	pí	dé	tè	hòu	fǒu	gū	kǔ
bù	pù	dì	tì	hēi	fēi	gǎi	kǎi
bái	pái	dú	tú	hù	fù	gěi	děi
běi	péi	dài	tài	hā	fā	gǒu	kǒu

4 认读 Read and learn Nhận mặt chữ và đọc

yī hào	bā hào	nǐ hǎo	bù hǎo
dà mǎ	bái mǎ	dìtú	yìtú
dàitóu	tái tóu	dà lóu	tǎlóu
kèfú	kèkǔ	dà yú	dà yǔ
yǔfǎ	lǐ fà	měihǎo	méi lái

一 五 八 不 口 白 马 大 女 你 好

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ HANKA
Chuyên đào tạo tiếng trung cho người mới học
hanka.edu.vn - 0972.556.968/0984.665.229.

LIVEWORKSHEETS